

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 14 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ	350.000.000.000 VND		
Cổ đông		Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam		87.125.000.000	24,89%
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn		28.500.000.000	8,14%
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		2.971.000.000	0,85%
Các cổ đông khác		231.404.000.000	66,12%
Cộng		350.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 39 301 980
Fax : (84-8) 39 301 982
E-mail : info@pvcsng.com.vn
Mã số thuế : 0305858385

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 06 ngõ 168 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng	06A Ngõ Thời Nhiệm, phường Tân Lập, TP. Nha Trang	73,78%

Hoạt động chính của Công ty

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty tiếp tục bị lỗ 222.541.614.176 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 561.106.685.262 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 457.466.393.645 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Ban Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

Tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Chí Trung	Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Mạnh Dũng	Ủy viên	18 tháng 4 năm 2010	-
Ông Đỗ Mạnh Quân	Ủy viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Trần Đạo Đức	Ủy viên	01 tháng 10 năm 2012	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Minh Thu	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Phạm Minh Cường	Thành viên	18 tháng 4 năm 2010	-
Bà Lê Thị Bích Tư	Thành viên	14 tháng 3 năm 2011	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Chí Trung	Giám đốc	08 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Đạo Đức	Phó Giám đốc	08 tháng 01 năm 2010	-
Ông Văn Mạnh Dũng	Phó Giám đốc	08 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Giám đốc	03 tháng 4 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu Khí Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Chí Trung
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2014



Số: 038/2014/BCTC-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi đã không thể giám sát kiểm kê thực tế hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng hàng tồn kho tại thời điểm trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi vẫn chưa thu thập được bằng chứng cho các khoản mục sau:

Các khoản mục	Số dư cuối năm	Thuyết minh
Phải thu khách hàng	43.866.735.100	V.2
Trả trước người bán	21.829.704.400	V.3
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	80.546.127.592	V.4
Các khoản phải thu khác	44.901.927.935	V.5
Phải trả người bán	88.591.677.350	V.17
Người mua trả tiền trước	9.216.159.456	V.18
Các khoản phải trả phải nộp khác	18.777.322.012	V.21

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính
 Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội
 VPGD: P1501 - 17T5 - Đường Hoàng Đạo Thúy - TP. Hà Nội
 Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084
 Email: info@aat.com.vn - Website: http://www.aat.com.vn - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center,
 Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
 Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189
 Email: aat-hcm@aat.com.vn

Ngoài ra, Công ty chưa xem xét lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khách hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí dở dang của các công trình đã dừng thi công là 124.861.610.770 VND. Các công trình này đang chờ quyết toán và chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ bằng chứng cho tỷ lệ dở dang của các công trình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chúng tôi chưa thu thập đầy đủ bằng chứng cho khoản chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn tại công ty con. Các khoản chi phí chờ phân bổ này chưa được kết chuyển vào chi phí trong năm.

Do tình hình hoạt động của Công ty tiếp tục bị lỗ 222.541.614.176 VND (không bao gồm khoản lỗ của cổ đông thiểu số) và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 561.106.685.262 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 457.466.393.645 VND. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thoả thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên. Các khoản phải trả nhà cung cấp đã có quyết định thi hành án và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ. Những sự kiện này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và do đó Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, do ảnh hưởng quá trọng yếu của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn thuế AAT tại Thành phố Hồ Chí Minh**



Trương Quang Trung - Giám đốc
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán
số: 1752-2013-141-1

Phạm Thị Anh Khoa - Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán
số: 1521-2013-141-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		497.582.962.653	678.613.450.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.953.509.248	1.584.238.544
1. Tiền	111		1.453.509.248	984.238.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		193.149.218.651	265.013.491.187
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	45.217.774.048	69.343.905.223
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	22.483.389.076	14.856.714.249
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.4	80.546.127.592	159.645.058.841
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	44.901.927.935	21.167.812.874
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		294.177.821.625	362.011.188.489
1. Hàng tồn kho	141	V.6	294.177.821.625	362.011.188.489
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.302.413.129	50.004.532.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	4.687.952.969	5.049.348.234
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.252.250.486
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	3.186.037.435	3.203.385.611
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		428.422.725	40.499.548.180

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		396.017.805.053	429.541.134.761
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		243.752.467.650	260.438.902.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	13.828.932.112	26.270.693.379
<i>Nguyên giá</i>	222		33.252.220.835	50.030.853.122
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.423.288.723)	(23.760.159.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	213.950.245.894	218.278.919.568
<i>Nguyên giá</i>	228		223.667.216.800	223.787.041.925
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.716.970.906)	(5.508.122.357)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	15.973.289.644	15.889.289.644
III. Bất động sản đầu tư	240		30.729.467.036	34.802.558.288
<i>Nguyên giá</i>	241	V.12	45.891.597.600	45.891.597.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(15.162.130.564)	(11.089.039.312)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.653.000.000	71.653.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	71.653.000.000	71.653.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.544.845.026	44.308.648.541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	26.954.845.026	39.718.648.541
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	4.590.000.000	4.590.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		18.338.025.341	18.338.025.341
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		893.600.767.706	1.108.154.585.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.039.257.129.736	1.032.032.707.136
I. Nợ ngắn hạn	310		955.049.356.298	961.114.724.762
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	255.152.156.521	279.103.943.361
2. Phải trả người bán	312	V.17	205.096.351.739	295.724.483.803
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	53.168.904.404	82.011.350.528
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	304.519.712	218.056.789
5. Phải trả người lao động	315	V.20	2.340.195.501	8.436.527.793
6. Chi phí phải trả	316		4.222.458.245	6.669.368.245
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	431.698.768.528	284.769.579.927
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.22	2.609.807.530	3.725.220.198
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		456.194.118	456.194.118
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		84.207.773.438	70.917.982.374
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	4.401.093.095	3.006.149.309
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	52.883.842.350	59.464.459.769
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	26.922.837.993	8.447.373.296
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(207.329.799.300)	16.440.996.694
I. Vốn chủ sở hữu	410		(207.329.799.300)	16.440.996.694
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	350.000.000.000	350.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	1.793.099.617	1.793.099.617
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	1.983.786.345	1.983.786.345
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	(561.106.685.262)	(337.335.889.268)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		61.673.437.270	59.680.881.662
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		893.600.767.706	1.108.154.585.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2014



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	(5.434.420.769)	77.014.224.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	(5.434.420.769)	77.014.224.982
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	93.490.449.913	204.171.041.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(98.924.870.682)	(127.156.816.460)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		65.078.198	1.146.694.694
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	68.147.541.233	87.599.628.009
Trong đó: chi phí lãi vay	23		68.147.541.233	87.599.628.009
8. Chi phí bán hàng	24		-	117.997.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	24.068.326.283	29.756.888.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(191.075.660.000)	(243.484.636.393)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	32.302.911.845	17.498.487.157
12. Chi phí khác	32	VI.6	62.921.054.697	25.664.906.917
13. Lợi nhuận khác	40		(30.618.142.852)	(8.166.419.760)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(221.693.802.852)	(251.651.056.153)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.044.870.682	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(222.738.673.534)</u>	<u>(251.651.056.153)</u>
18.. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(197.059.358)	(383.575.491)
18.. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(222.541.614.176)	(251.267.480.662)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2014



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(220.733.369.704)	(251.651.056.153)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.348.929.414	20.983.415.895
- Các khoản dự phòng	03		(1.115.412.668)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.5, VI.6	(8.423.158.774)	2.021.418.009
- Chi phí lãi vay	06	VI.3, VI.6	98.348.438.393	87.599.628.009
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(116.574.573.339)	(141.046.594.240)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		113.204.996.653	323.615.050.891
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		67.833.366.864	24.206.959.292
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(64.283.390.839)	(132.958.421.604)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.873.510.491)	22.745.567.175
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.818.296.128)	(22.390.856.682)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(17.348.176)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	4.393.375.555
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(896.733.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.511.407.280)	77.650.998.405
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		3.132.221.724	(1.352.413.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.5	25.700.243.100	11.018.274.301
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.145.678.457
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.832.464.824	10.811.539.757

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.951.786.840)	(101.997.185.854)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(111.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.951.786.840)	(102.108.335.854)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		369.270.704	(13.645.797.692)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.584.238.544	15.230.036.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.953.509.248	1.584.238.544

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2014



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Năm 2013**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 ngày 28 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh, trong đó điều chỉnh thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 14 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ 350.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39 301 980

Fax : (84-8) 39 301 982

E-mail : info@pvcsg.com.vn

Mã số thuế : **0 3 0 5 8 5 8 3 8 5**

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh tại Hà Nội

Số 06 ngõ 168 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa,
quận Đống Đa, TP. Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác; Tư vấn về môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng	06A Ngô Thời Nhiệm, phường Tân Lập, TP. Nha Trang	73,78%	73,78%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và khoản phải thu.

Các khoản cho vay và khoản phải thu

Các khoản cho vay và khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của các khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	202.794.355	309.100.525
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.250.714.893	675.138.019
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	600.000.000
Cộng	<u>1.953.509.248</u>	<u>1.584.238.544</u>

(*) Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Liên Việt – chi nhánh TP Hồ Chí Minh có số dư 402.143.589 VND đã bị phong tỏa theo quyết định của Chi cục thi hành án dân sự quận 3.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư dầu khí Mỹ Phú	9.732.882.903	16.541.777.852
Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng Trung Ương	7.136.742.133	10.114.430.033
Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng	5.495.227.901	4.391.227.856
Công ty cổ phần thương mại Hàng Đa	4.006.475.728	4.006.475.728
Công ty cổ phần xà phòng Hà Nội	3.003.488.426	2.944.553.976
Ban quản lý Đà Nẵng	2.560.229.763	2.560.229.763
Ban quản lý dự án xây dựng Cung hữu nghị Việt Trung	1.807.658.600	1.807.658.600
Ban điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch II	1.673.394.318	5.322.478.651
Công ty cổ phần đầu tư dầu khí Nha Trang	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	1.104.327.159	1.104.327.159
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu Khí	985.771.688	662.239.961
Các khách hàng khác	6.405.613.729	18.582.543.944
Cộng	<u>45.217.774.048</u>	<u>69.343.905.223</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu Khí	9.983.266.306	-
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vị Thanh	4.079.692.538	4.079.692.538
Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc, kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị A.R.T.E.C	1.451.955.415	1.451.955.415
Công ty TNHH Xây dựng điêu khắc trang trí Lạc Hồng	863.842.295	863.842.295
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và quản lý dự án Hà Nội	692.520.000	692.520.000
Các nhà cung cấp khác	5.412.112.522	7.768.704.001
Cộng	<u>22.483.389.076</u>	<u>14.856.714.249</u>

4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình chung cư cao cấp Phú Mỹ quận 7	53.194.545.454	65.921.818.181
Công trình PV Power Landmark An Phú quận 2	12.151.324.088	76.555.542.795
Công trình Ngô Gia Tự	5.545.454.545	5.545.454.545
Công trình 49 Lĩnh Nam	3.567.272.727	3.567.272.727
Các công trình khác	6.087.530.778	8.054.970.593
Cộng	<u>80.546.127.592</u>	<u>159.645.058.841</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Safety	1.519.298.000	-
Công ty cổ phần Đầu Tư Dầu Khí Mỹ Phú	1.365.909.091	2.638.636.364
Công ty cổ phần Bất Động Sản Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	1.215.132.409	7.655.554.280
Công ty cổ phần ACC 245	735.157.242	-
Công ty cổ phần Thành Long	554.545.455	554.545.455
Công ty cổ phần Bất Động Sản Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam	552.081.679	799.170.055
Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	500.000.000	500.000.000
Phải thu các cá nhân khác	33.858.476.016	-
Phải thu các đối tượng khác	4.601.328.043	9.019.906.720
Cộng	<u>44.901.927.935</u>	<u>21.167.812.874</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	111.246.116	111.246.116
Công cụ, dụng cụ	733.191.247	736.301.247
Chi phí SXKD dở dang (*)	283.029.838.323	337.650.701.643
Hàng hóa bất động sản	10.303.545.939	23.512.939.483
Cộng	<u>294.177.821.625</u>	<u>362.011.188.489</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Khu đô thị Hậu Giang ⁽¹⁾	158.168.227.553	152.284.659.915
Dự án Chung cư cao cấp Phú Mỹ Quận 7 TP. Hồ Chí Minh	40.842.338.417	38.828.172.948
Dự án PV Power Landmark An Phú Quận 2 TP. Hồ Chí Minh	17.680.904.174	57.169.875.573
Các dự án khác	66.338.368.179	89.367.993.207
Cộng	<u>283.029.838.323</u>	<u>337.650.701.643</u>

(1) Các lô đất thuộc dự án trên đã bị phong tỏa theo quyết định của tòa án để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Xem thuyết minh V.24).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	296.545.373	575.940.638
Chi phí thuê nhà	-	82.000.000
Chi phí khác	4.391.407.596	4.391.407.596
Cộng	<u>4.687.952.969</u>	<u>5.049.348.234</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.450.535.762	36.613.080.648	5.826.640.593	2.449.838.352	690.757.767	50.030.853.122
Tăng trong năm	-	1.489.478.240	-	-	-	1.489.478.240
Giảm trong năm	(2.721.008.489)	(12.375.079.879)	(1.232.906.689)	(1.636.393.654)	(302.721.816)	(18.268.110.527)
Thanh lý trong năm	(2.721.008.489)	(8.951.069.957)	(1.182.552.598)	(707.779.519)	-	(13.562.410.563)
Giảm theo TT45/TT-BTC	-	(3.424.009.922)	(50.354.091)	(928.614.135)	(302.721.816)	(4.705.699.964)
Số cuối năm	<u>1.729.527.273</u>	<u>25.727.479.009</u>	<u>4.593.733.904</u>	<u>813.444.698</u>	<u>388.035.951</u>	<u>33.252.220.835</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.119.390.122	15.884.016.187	2.632.722.639	1.479.802.034	644.228.761	23.760.159.743
Khấu hao trong năm	91.096.229	6.031.034.846	692.688.336	356.245.202	25.258.896	7.196.323.509
Giảm trong năm	(1.480.959.078)	(7.922.352.194)	(585.678.901)	(1.260.799.222)	(283.405.134)	(11.533.194.529)
Thanh lý trong năm	-	(5.968.826.665)	(540.452.082)	(140.707.716)	-	(6.649.986.463)
Giảm theo TT45/TT-BTC	(1.480.959.078)	(1.953.525.529)	(45.226.819)	(1.120.091.506)	(283.405.134)	(4.883.208.066)
Số cuối năm	<u>1.729.527.273</u>	<u>13.992.698.839</u>	<u>2.739.732.074</u>	<u>575.248.014</u>	<u>386.082.523</u>	<u>19.423.288.723</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.331.145.640	20.729.064.461	3.193.917.954	970.036.318	46.529.006	26.270.693.379
Số cuối năm	-	11.734.780.170	1.854.001.830	238.196.684	1.953.428	13.828.932.112

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	223.667.216.800	119.825.125	223.787.041.925
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm do thanh lý trong năm	-	(119.825.125)	(119.825.125)
Số cuối năm	223.667.216.800	-	223.667.216.800
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.402.201.162	105.921.195	5.508.122.357
Khấu hao trong năm	4.314.769.744	13.903.930	4.328.673.674
Giảm do thanh lý trong năm	-	(119.825.125)	(119.825.125)
Số cuối năm	9.716.970.906	-	9.716.970.906
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	218.265.015.638	13.903.930	218.278.919.568
Số cuối năm	213.950.245.894	-	213.950.245.894

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí dở dang của dự án tòa nhà Light House Nha Trang.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Là giá trị công trình tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	45.891.597.600	11.089.039.312	34.802.558.288
Tăng trong năm	-	4.073.091.252	-
Giảm trong năm	-	-	(4.073.091.252)
Cộng	45.891.597.600	15.162.130.564	30.729.467.036

Công trình tòa nhà trên đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Xem thuyết minh V.24).

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang</i>	3.035.000	30.350.000.000	3.035.000	30.350.000.000
<i>Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí</i>	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
<i>Dự án chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10-11 Văn Phú</i>	-	34.303.000.000	-	34.303.000.000
Cộng		71.653.000.000		71.653.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Lãi chậm trả tiền trúng thầu đấu giá quyền sử dụng đất	4.526.293.035	-	-	4.526.293.035
Công cụ dụng cụ	34.028.305.506	2.349.247.232	(15.239.700.747)	21.137.851.991
Chi phí chờ phân bổ khác	1.164.050.000	129.800.000	(3.150.000)	1.290.700.000
Cộng	<u>39.718.648.541</u>	<u>2.479.047.232</u>	<u>(23.951.786.840)</u>	<u>26.954.845.026</u>

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	242.208.534.095	265.169.869.498
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	-	11.314.181.898
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN số 08⁽ⁱ⁾</i>	127.726.771.148	139.373.924.653
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương⁽ⁱⁱ⁾</i>	99.912.312.503	99.912.312.503
<i>Ngân hàng phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	14.569.450.444	14.569.450.444
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh V.)	12.943.622.426	13.934.073.863
<i>Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam</i>	7.217.502.514	8.207.953.951
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương</i>	5.726.119.912	5.726.119.912
Cộng	<u>255.152.156.521</u>	<u>279.103.943.361</u>

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 54/2011/HĐNT ngày 24/06/2011 với hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng (kèm theo 3 hợp đồng chi tiết là Hợp đồng số 55/2011/HĐTD, số 56/2011/HĐTD, số 57/2011/HĐTD ngày 27 tháng 6 năm 2011); phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Số nợ gốc quá hạn: 127.726.771.148 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và bảo lãnh của bên thứ 3, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 0036/2011/HĐTC ngày 22/06/2011, thế chấp Quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn được phát sinh từ Hợp đồng số 21/2011/HĐ-PETROLAND V/v thi công xây dựng gói thầu “Thi công hoàn thiện nội thất và sân vườn” thuộc dự án Chung cư PETROLAND ký ngày 14/03/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.
- Hợp đồng thế chấp số 0035/2011/HĐTC ngày 22/06/2011, thế chấp Quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, phát sinh từ Phụ lục hợp đồng thi công xây lắp số 04/PLHĐKT/2010/PVCLAND-PVCSG V/v thực hiện hạng mục “Thi công kết cấu phân thân và công tác hoàn thiện” thuộc gói thầu số 4 của công trình PETROVIETNAM LANDMARK ký ngày 24/12/2010 giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.
- Hợp đồng thế chấp số 0037/2011/HĐTC ngày 22/06/2011, thế chấp Quyền tài sản thuộc sở hữu của công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, phát sinh từ Hợp đồng số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03/2010/HĐ-DKMYPHU V/v giao tổng thầu thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị thuộc công trình Chung cư cao tầng Mỹ Phú ký ngày 01/10/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

- Bảo lãnh vay vốn của bên thứ 3 là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng bảo lãnh số 41/2011/HĐBL.NH-PVCSG ngày 21/06/2011; phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo ngày 21/06/2011 và các Thư bảo lãnh vay vốn số 10/2011-BLVV ngày 21/06/2011; thư gia hạn bảo lãnh vay vốn số 22/XLTK-BLVV ngày 26/12/2011.

Theo bản án số 17/2012 KDTM-ST ngày 06/12/2012 và Thụ lý số 60/2012 TLST—KDTM ngày 30/05/2012 của Tòa án Nhân dân quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 8 Tp. Hồ Chí Minh số tiền 179.228.161.692 đồng, trong đó: Lãi tính đến ngày 06/12/2012 gồm: lãi vay trong hạn là 24.686.668.535 đồng, lãi phạt quá hạn là 8.498.158.504 đồng, nợ gốc là 146.043.334.653 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn còn tiếp tục chịu lãi suất trên dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại các Hợp đồng tín dụng số 0055/2011/HĐTD, Hợp đồng tín dụng số 56/2011/HĐT, Hợp đồng tín dụng số 57/2011/HĐT ngày 27 tháng 6 năm 2011 kể từ ngày 07/12/2012 cho đến khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn trả hết nợ cho Ngân hàng.

Nếu đến hạn thanh toán mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phải có trách nhiệm trả đầy đủ số nợ gốc và lãi phát sinh thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi, thu hồi các quyền về tài sản là các nguồn thu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, để thu hồi đầy đủ số nợ về cho Ngân hàng đối với số nợ phải trả vượt phạm vi bảo lãnh.

Đồng thời các Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú và Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí phải có trách nhiệm chuyển các nguồn thu còn lại từ các hợp đồng thi công công trình vào tài khoản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 8 theo cam kết thỏa thuận giữa 03 bên để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bên có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì Ngân hàng Công thương có trách nhiệm thanh lý các hợp đồng thế chấp được ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 8 Tp. Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0091/2011/HĐTD1-OCEANBANK03 ngày 12/10/2011; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo thư bảo lãnh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Số nợ gốc quá hạn: 99.912.312.503 đồng.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 148/10 ngày 30/08/2010 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng; Bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu từ hợp đồng số 02/HĐKT/2010/PVPLS-PVC ngày 12/04/2010 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí - Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Sài Gòn. Số nợ gốc quá hạn: 14.569.450.444 đồng.

Theo Quyết định số 222/QĐ-CCCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3 buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phố Hồ Chí Minh số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tính dụng số 148/10/HĐTDHM/NH ngày 30/08/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐTD ngày 21/04/2011 gồm số nợ gốc là 14.569.450.444 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 28/06/2013 là 5.908.047.289 đồng, tổng cộng là 20.477.497.733 đồng.

Lãi được tiếp tục tính trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 29/06/2013 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong từng kế ước đã ký kết cho đến khi trả xong nợ gốc.

Nếu đến hạn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ số tiền tương ứng do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn còn nợ chưa thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	265.169.869.498	-	(22.961.335.403)	242.208.534.095
Vay dài hạn đến hạn trả	13.934.073.863	-	(990.451.437)	12.943.622.426
Cộng	<u>279.103.943.361</u>	-	<u>(23.951.786.840)</u>	<u>255.152.156.521</u>

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu Khí	27.300.469.925	31.683.638.964
Công ty TNHH MTV máy móc thiết bị Dầu Khí Sài Gòn	18.049.275.368	32.858.612.823
Công ty cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư	11.920.033.539	10.277.752.507
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công Nghệ Mới	7.465.135.126	7.965.135.126
CN Công ty cổ phần Xây dựng nền móng Jikon (TP. Hà Nội)	6.614.905.689	6.614.905.689
Lê Văn Nghĩa	6.076.071.982	6.076.071.982
Công ty TNHH Phú Lê Huy	4.864.224.039	4.864.224.039
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Phú Gia	4.621.489.000	3.428.917.000
Công ty cổ phần Hồng Hà Bình Dương	4.236.932.500	4.236.932.500
Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Xuất nhập khẩu Miền Bắc	3.848.829.335	4.072.302.720
CN Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Đức Việt	3.590.074.600	3.590.074.600
Công ty TNHH Safety	3.345.225.023	732.472.250
Công ty Xây dựng dân dụng và công nghiệp Delta	3.188.014.750	3.188.014.750
Công ty cổ phần BÊ TÔNG 6	3.026.284.800	3.026.284.800
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng SINO PACIFIC	3.009.716.249	3.009.716.249

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Công ty TNHH Tư vấn xây dựng SINO PACIFIC Long An	2.988.731.500	2.988.731.500
CN Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Công ty kỹ thuật Nền Móng Lê Đình Liệu	2.839.596.080	2.839.596.080
Công ty TNHH Shing Da Quốc Tế	2.809.463.585	-
CN Công ty TNHH M.E.C	2.482.879.000	2.532.879.000
Công ty TNHH Phát triển công nghệ và Thương mại Lương Giang	2.273.072.000	2.273.072.000
Công ty TNHH Cơ giới Trung Phú Hoa Việt	2.171.773.531	2.171.773.531
Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn	2.148.219.500	2.183.219.500
CN Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà tại Hà Nội	2.071.452.418	2.371.452.418
Công ty TNHH Đại Long Minh	1.966.032.834	1.966.032.834
CN Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp kết cấu thép xây dựng	1.773.365.921	1.773.365.921
Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp LIFTEC Corporation	1.632.127.000	-
Công ty cổ phần VINAFACADE	1.566.207.180	1.566.207.180
Công ty cổ phần thép và vật tư Hà Nội	1.526.687.800	1.526.687.800
Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.466.382.000	1.466.382.000
Công ty cổ phần Cơ khí Chính Xác	1.390.732.488	1.390.732.488
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng An Phúc	1.272.333.727	1.272.333.727
Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng - Xây dựng phía Nam	1.205.860.000	1.205.860.000
Công ty cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	1.172.250.500	2.172.250.500
DNTN Thư Phúc	1.153.477.600	1.873.477.600
Công ty cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.108.023.510	1.108.023.510
Các nhà cung cấp khác	1.085.681.223	1.085.681.223
Cộng	205.096.351.739	295.724.483.803
18. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần bất động sản xây lắp dầu khí Việt Nam	34.372.216.425	34.680.273.808
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	9.377.451.536	9.377.451.536
Công ty cổ phần PVI	4.587.850.523	4.587.850.523
Ban tổ chức Trung Ương	1.426.903.966	1.426.903.966
Công ty cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa Dầu Khí	1.304.026.272	8.571.061.181
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	-	21.447.520.000
Các khách hàng khác	2.100.455.682	1.920.289.514
Cộng	53.168.904.404	82.011.350.528

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	490.870.823	(418.886.786)	71.984.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.203.385.611)	1.062.218.858	(1.044.870.682)	(3.186.037.435)
Thuế thu nhập cá nhân	218.056.789	59.224.803	(44.745.917)	232.535.675
Cộng	(2.985.328.822)	1.612.314.484	(1.508.503.385)	(2.881.517.723)

20. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương tháng 12 còn phải trả	299.173.279	5.930.927.793
Lương các năm trước	993.756.874	2.505.600.000
Phải trả người lao động khác	1.047.265.348	-
Cộng	2.340.195.501	8.436.527.793

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	829.666.276	755.914.608
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	181.650.081	445.259.603
Lãi vay phải trả	156.656.485.298	61.126.343.033
Lãi trả chậm	16.094.730.600	-
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - tiền chuyển nhượng dự án	241.013.814.059	204.668.609.967
Phải trả phải nộp khác	16.922.422.214	17.773.452.716
Cộng	431.698.768.528	284.769.579.927

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản chi phí bảo hành công trình đã hoàn thành. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	3.725.220.198
Tăng do trích lập	-
Số hoàn nhập	(1.115.412.668)
Số cuối năm	2.609.807.530

23. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận tiền ký quỹ ký cược cho thuê văn phòng.

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	52.883.842.350	59.464.459.769
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam ⁽ⁱ⁾	10.500.000.000	10.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương ⁽ⁱⁱ⁾	42.383.842.350	48.964.459.769
Cộng	52.883.842.350	59.464.459.769

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0405/HMTD2-VIB625/10 ngày 22/04/2010; Thời hạn cho vay 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần; Mục đích tài trợ một phần dự án đầu tư mua quyền sử dụng tòa nhà 11 Bis Nguyễn Gia Thiều. Tài sản thế chấp là tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều.
- (ii) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0063/2010/HDDTD1-OCEANBANK03 ngày 04/10/2010; Thời hạn cho vay 48 tháng; Lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; Mục đích vay: đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay. Số dư cuối kỳ gồm cả khoản vay được chuyển từ PVFC sang theo Hợp đồng mua, bán khoản nợ số 11/2012-HĐMBN-TCĐK-CNHCM.QLTD ngày 30/08/2012.

Hợp đồng tín dụng số 18/2009/HDDTD-TCĐK-CNHCM.TD ngày 17/10/2009; lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; mục đích vay: Mua lại khoản nợ từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí; Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành trong tương lai (giai đoạn 1) của Dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3 Phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của bên vay, Chứng thư bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho bên vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	12.943.622.426	13.934.073.863
Trên 1 năm đến 5 năm	52.883.842.350	59.464.459.769
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	<u>65.827.464.776</u>	<u>73.398.533.632</u>

25. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền trả trước về cho thuê văn phòng	18.010.087.993	5.764.125.862
Tiền trả trước bán bất động sản	8.412.750.000	-
Doanh thu công trình xây dựng	-	2.183.247.434
Doanh thu chưa thực hiện tại chi nhánh Hà Nội	500.000.000	500.000.000
Cộng	<u>26.922.837.993</u>	<u>8.447.373.296</u>

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	1.793.099.617	1.983.786.345	(86.068.408.606)	267.708.477.356
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(251.267.480.662)	(251.267.480.662)
Số dư cuối năm trước	<u>350.000.000.000</u>	<u>1.793.099.617</u>	<u>1.983.786.345</u>	<u>(337.335.889.268)</u>	<u>16.440.996.694</u>
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	1.793.099.617	1.983.786.345	(337.335.889.268)	16.440.996.694
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	(222.541.614.176)	(222.541.614.176)
Giảm khác	-	-	-	(1.229.181.818)	(1.229.181.818)
Số dư cuối năm nay	<u>350.000.000.000</u>	<u>1.793.099.617</u>	<u>1.983.786.345</u>	<u>(561.106.685.262)</u>	<u>(207.329.799.300)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.125.000.000	24,89%
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	28.500.000.000	8,14%
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.971.000.000	0,85%
Các cổ đông khác	231.404.000.000	66,12%
Cộng	350.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	(40.166.839.108)	48.420.963.529
Doanh thu trong năm	24.247.379.599	48.420.963.529
Điều chỉnh doanh thu ghi nhận từ các năm trước (*)	(64.414.218.707)	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.703.420.191	8.396.911.719
Doanh thu trong năm	13.976.312.064	-
Điều chỉnh giảm doanh thu trả lại nhà	(1.272.891.873)	-
Doanh thu cho thuê nhà	14.513.573.279	16.873.749.589
Doanh thu khác	7.515.424.869	3.322.600.145
Doanh thu thuần	(5.434.420.769)	77.014.224.982

- (*) Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản giảm doanh thu tạm tính của các năm trước của Dự án PV Power Landmark An Phú Quận 2 TP. Hồ Chí Minh theo Công văn thỏa thuận của chủ đầu tư dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp ^(a)	66.165.646.582	184.512.358.379
Giá vốn hoạt động bất động sản	13.209.393.544	8.501.793.320
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà	9.590.336.716	9.132.524.552
Giá vốn khác	4.525.073.071	2.024.365.191
Cộng	<u>93.490.449.913</u>	<u>204.171.041.442</u>

(a) Giá vốn của hoạt động xây lắp đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	791.532.399
Chi nhân công trực tiếp	5.619.333.500
Chi phí máy thi công	4.325.237.205
Chi phí sản xuất chung	32.192.515.003
Tổng chi phí sản xuất	42.928.618.107
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.620.863.320
Điều chỉnh giảm giá vốn các năm trước	(31.383.834.845)
Giá vốn của hoạt động xây lắp đã cung cấp	<u>66.165.646.582</u>

3. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.942.573.225	11.238.231.222
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.519.668.265	139.031.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.751.244.601	4.841.528.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.307.624.299	2.924.884.366
Lợi thế thương mại phân bổ	2.189.614.966	2.189.614.966
Chi phí khác	2.357.600.927	8.423.597.926
Cộng	<u>24.068.326.283</u>	<u>29.756.888.718</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	25.700.243.100	14.387.115.578
Thu nhập do miễn phí sử dụng thương hiệu năm 2010 - 2011	3.237.027.270	-
Thu nhập khác	3.365.641.475	3.111.371.579
Cộng	<u>32.302.911.845</u>	<u>17.498.487.157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	6.253.323.253	3.084.793.521
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	10.364.660.226	7.456.445.413
Lãi chậm trả ngân hàng	30.200.897.160	13.137.401.539
Lãi chậm trả các nhà cung cấp	16.094.730.600	-
Chi phí khác	7.443.458	1.986.266.444
Cộng	<u>62.921.054.697</u>	<u>25.664.906.917</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã cần trừ khoản vay cho khoản phải trả là 6.580.617.419 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn	Cổ đồng sáng lập
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cổ đồng sáng lập
Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang	Công ty nhận vốn góp
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.406.002.487	1.326.497.313
Chuyển công nợ tạm ứng xây lắp	21.447.520.000	1.776.872.581
Lãi vay phát sinh	14.897.684.092	-
Nhận cung cấp dịch vụ	469.239.570	2.188.135.315
<i>Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí</i>		
Cung cấp dịch vụ	422.301.879	443.640.806
Giảm giá trị nhận cung cấp xây lắp	(27.160.417.155)	-
Nhận cung cấp xây lắp	-	95.351.395.142

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	164.315.526	959.097.975

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn		
Phải thu cung cấp dịch vụ	101.751.537	594.796.935
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		
Phải thu tiền ứng trước công trình xây lắp	378.000.000	378.000.000
Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang		
Phải thu cung cấp dịch vụ	1.305.961.700	1.305.961.700
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí		
Phải thu cung cấp dịch vụ	985.771.688	662.239.961
Phải thu tiền ứng trước dịch vụ xây lắp	9.983.266.306	-
Phải thu chi phí dịch vụ	93.192.000	93.192.000
Cộng nợ phải thu	<u>13.012.258.757</u>	<u>3.993.288.571</u>
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Phải trả tiền chuyển nhượng dự án	241.013.814.059	204.668.609.967
Phải trả nhận cung cấp xây lắp	889.784.904	373.621.377
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí		
Phải trả tiền ứng trước công trình xây lắp	9.377.451.536	9.377.451.536
Công ty cổ phần thiết bị nội ngoại thất Dầu khí		
Phải trả nhận cung cấp xây lắp	-	19.850.031.778
Cộng nợ phải trả	<u>251.281.050.499</u>	<u>234.269.714.658</u>

2. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty tiếp tục bị lỗ 222.541.614.176 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 561.106.685.262 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 457.466.393.645 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty rất lớn.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khả năng thanh toán sẽ được cải thiện do Ban Giám đốc đang dự kiến trình Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông về việc tăng vốn điều lệ cũng như đang tích cực thực hiện một loạt các giải pháp tổng thể liên quan đến việc tái cấu trúc nguồn vốn của Công ty. Theo đó Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi bộ phận kế toán-tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín, do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (Thuyết minh VI.4).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.953.509.248	-	1.953.509.248
Phải thu khách hàng	45.217.774.048	-	45.217.774.048
Các khoản phải thu khác	44.901.927.935	-	44.901.927.935
Cộng	92.073.211.231	-	92.073.211.231
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.584.238.544	-	1.584.238.544
Phải thu khách hàng	69.343.905.223	-	69.343.905.223
Các khoản phải thu khác	21.167.812.874	-	21.167.812.874
Cộng	92.095.956.641	-	92.095.956.641

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	248.571.539.102	59.464.459.769	-	308.035.998.871
Phải trả người bán	205.096.351.739	-	-	205.096.351.739
Các khoản phải trả khác	431.698.768.528	-	-	431.698.768.528
Cộng	885.366.659.369	59.464.459.769	-	944.831.119.138
Số đầu năm				
Vay và nợ	285.684.560.780	52.883.842.350	-	338.568.403.130
Phải trả người bán	295.724.483.803	-	-	295.724.483.803
Các khoản phải trả khác	284.769.579.927	-	-	284.769.579.927
Cộng	866.178.624.510	52.883.842.350	-	919.062.466.860

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Công ty nghi ngờ về khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền của hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.953.509.248	1.584.238.544	1.953.509.248	1.584.238.544
Phải thu khách hàng	45.217.774.048	69.343.905.223	45.217.774.048	69.343.905.223
Các khoản phải thu khác	44.901.927.935	21.167.812.874	44.901.927.935	21.167.812.874
Cộng	92.073.211.231	92.095.956.641	92.073.211.231	92.095.956.641
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	308.035.998.871	338.568.403.130	308.035.998.871	338.568.403.130
Phải trả cho người bán	205.096.351.739	295.724.483.803	205.096.351.739	295.724.483.803
Các khoản phải trả khác	431.698.768.528	284.769.579.927	431.698.768.528	284.769.579.927
Cộng	944.831.119.138	919.062.466.860	944.831.119.138	919.062.466.860

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2014



Võ Phạm Như Nguyệt
Kế toán trưởng



Phan Chí Trung
Giám đốc